

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 29-8-2024.

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Tuấn Vũ.

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Thanh Tòng;

Bà Phạm Thị Thuỳ Trang.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Gọn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2024/TLPT-DS, ngày 24 tháng 7 năm 2024, về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”; do Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2024/HNGĐ-ST, ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 19/2024/QĐ-PT, ngày 29 tháng 7 năm 2024; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Bảo H, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số 70 đường 787, khu phố LT, phường LH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị Thu M, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số 70 đường 787, khu phố LT, phường LH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Bảo H trình bày:*

Về hôn nhân: Anh Lê Bảo H và chị Huỳnh Thị Thu M là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LH, huyện TB (nay là phường LH, thị

xã TB), tỉnh Tây Ninh, ngày 23-02-2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng nhà với gia đình anh H tại khu phố Lộc Thọ, phường Lộc Hưng, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh cho tới nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị M ghen tuông vô cớ, chị M nghi ngờ anh H có người phụ nữ khác nên lúc nào cũng gây áp lực về tinh thần cho anh H. Hiện vợ chồng vẫn sống cùng nhà nhưng từ tháng 10-2022 tới nay chị M sống tại nhà chính còn anh H chuyển ra sống tại căn nhà nhỏ ở ngoài vườn, mạnh ai người đó sống, không ai liên quan tới ai, không gặp nhau để nói chuyện hàn gắn tình cảm. Anh H thấy cuộc sống vợ chồng như vậy rất áp lực, không thể kéo dài, hôn nhân không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với chị M.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Lê Hoàng Anh T, sinh ngày 14-7-2011. Cháu Thu đã lớn, cháu muốn sống với ai thì sống cùng người đó và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Huỳnh Thị Thu M trình bày:*

Về hôn nhân: chị Huỳnh Thị Thu M và anh Lê Bảo H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng (nay là phường Lộc Hưng, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh, ngày 23-02-2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng nhà với gia đình anh H tại khu phố Lộc Thọ, phường Lộc Hưng, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh cho tới nay. Anh H đi tối ngày ít khi về nhà, vợ chồng không có mâu thuẫn gì hết, nguyên nhân anh H nộp đơn xin ly hôn là do anh H muốn đưa người phụ nữ khác về sống cùng nhưng chị M không đồng ý. Do chị M vẫn còn thương chồng nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Lê Hoàng Anh T, sinh ngày 14-7-2011. Cháu Thu đã lớn, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì cháu Thu muốn sống với ai thì sống cùng người đó và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

*Theo Biên bản xác minh ngày 25-4-2024 (bút lục 25):* anh H và chị M là vợ chồng, sau khi kết hôn thì sống cùng với mẹ của anh H là bà Khiêm và có một con chung là cháu Lê Hoàng Anh T. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh H chị M như thế nào thì không rõ, chỉ biết chị M làm công nhân sáng đi, tối về còn anh H thường xuyên không ở nhà.

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04-12-2023 (bút lục 19) và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị K trình bày: bà K là mẹ của anh H, chị M là một người con dâu tốt, anh H đi tối ngày chỉ có chị M ở nhà chăm lo cuộc sống gia đình và con cái. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H có người phụ nữ khác, muốn đưa người phụ nữ này về sống cùng nhưng bị gia đình phải đối.*

Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2024/HNGĐ-ST, ngày 18 tháng 6 năm 2024, của Tòa án nhân dân Thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đã Quyết định:

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Bảo H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với chị Huỳnh Thị Thu M.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 11/06/2024, anh Lê Bảo H kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho anh được ly hôn với chị Huỳnh Thị Thu M và giải quyết vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm: anh Lê Bảo H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Bảo H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của anh Lê Bảo H, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21 tháng 6 năm 2024, anh Lê Bảo H kháng cáo. Trình tự thủ tục kháng cáo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Anh Lê Bảo H và chị Huỳnh Thị Thu M là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng (nay là phường Lộc Hưng, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh, ngày 23-02-2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng nhà với gia đình anh H tại khu phố Lộc Thọ, phường Lộc Hưng, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh cho tới nay.

Anh Lê Bảo H và chị Huỳnh Thị Thu M có 01 con chung là cháu Lê Hoàng Anh T, sinh ngày 14-7-2011.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Bảo H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị M ghen tuông vô cớ, chị M nghi ngờ anh H có người phụ nữ khác nên lúc nào cũng gây áp lực về tinh thần cho anh H. Hiện vợ chồng vẫn sống cùng nhà nhưng từ tháng 10-2022 tới nay chị M sống tại nhà chính còn anh H chuyển ra sống tại căn nhà nhỏ ở ngoài vườn, mạnh ai người đó sống, không ai liên quan tới ai, không gặp nhau để nói chuyện hàn gắn tình cảm.

Chị M cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì hết, nguyên nhân anh H nộp đơn xin ly hôn là do anh H muốn đưa người phụ nữ khác về sống cùng nhưng chị M không đồng ý. Do chị M vẫn còn thương chồng nên không đồng ý ly hôn.

[2.2] Xét kháng cáo của anh Lê Bảo H : Theo hồ sơ thể hiện, các tài liệu, chứng cứ, lời khai của nhân chứng; vợ chồng anh H và chị M có mâu thuẫn nhưng nguyên nhân chính là do anh H có người phụ nữ khác, muốn đưa người phụ nữ này về nhà sống cùng nhưng chị M và gia đình anh H phản đối nên anh H xin ly hôn, tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị M chưa đến mức trầm trọng, vợ chồng vẫn còn có khả năng đoàn tụ, nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H là có căn cứ; anh H kháng cáo, không cung cấp được chứng cứ gì mới nên không có cơ sở chấp nhận.

Ở cấp sơ thẩm các đương sự không tranh chấp về tài sản chung, nhưng anh H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết về tài sản chung là chưa có cơ sở để cấp phúc thẩm xem xét giải quyết.

Trong đơn kháng cáo của anh H cho rằng anh không tranh chấp về nuôi con nhưng toà án sơ thẩm đưa ra lý do anh tranh chấp nuôi con là không đúng sự thật. Xét thấy tại đơn khởi kiện đề ngày 09/8/2023, anh Lê Hoàng Bảo xin ly hôn, yêu cầu được nuôi con. Theo quy định của pháp luật khi giải quyết vụ kiện yêu cầu ly hôn Toà án phải xem xét đến con chung, con chưa thành niên, để khi quyết định cho ly hôn sẽ xem xét con chưa thành niên ai có nghĩa vụ nuôi con, ai cấp dưỡng nuôi con và theo đơn yêu cầu ly hôn anh cũng yêu cầu được nuôi

con. Do vậy cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” là hợp lý.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Lê Bảo H phải chịu 300.000 đồng .

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Bảo H;

Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 59/2024/HNGĐ-ST.

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Bảo H về việc “ Tranh chấp Ly hôn, nuôi con” đối với chị Huỳnh Thị Thu M.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Anh Lê Bảo H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0027663 ngày 19 tháng 10 năm 2023, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: anh Lê Bảo H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015611 ngày 21 tháng 6 năm 2024, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND TTN;
- Phòng KTNV.TAT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND huyện, TX, thành phố;
- Chi cục THADS huyện, TX, thành phố;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**Trần Tuấn Vũ**